CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Đại lý Hàng hải Việt Nam

Ngày 31/12/2024	23,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.8%	**-5.3%**	**-**

DT thuần
Q4/24
301
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.0| 4.3%
YoY: ▲ 34.0| 12.6%

LN thuần
Q4/24
7.82
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.73| 617%
YoY: ▲ 13.2| 246%

LN sau thuế
Q4/24
6.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.36| 255%
YoY: ▼0.45| -6.9%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
2.5%
YoY: +/-▼ 2.5%

ROE
2024
6.2%
YoY: +/-▼ 5.4%

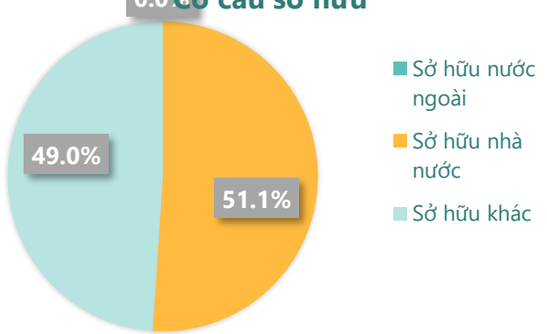
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	20,063 - 33,198
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	324
Số lượng CPLH (CP)	14,096,486
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,920
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.82
EPS	1,559
P/E	14.8

DT thuần
2024
1,101
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.0| 1.6%

LN thuần
2024
26.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼13.9| -34.3%

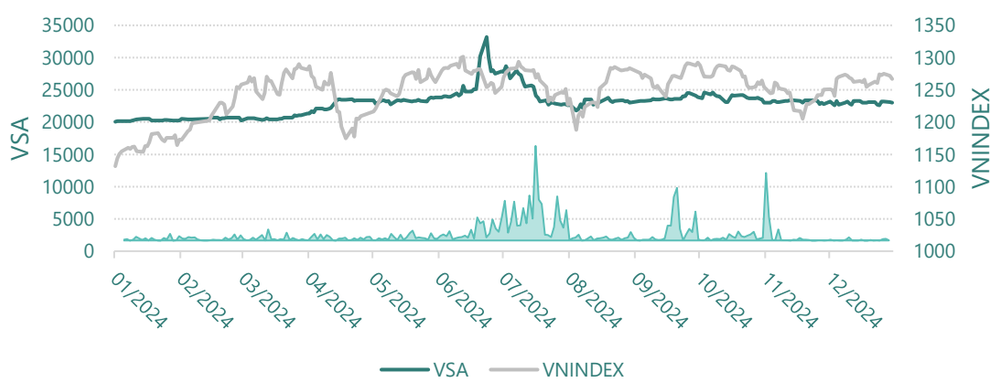
LN sau thuế
2024
22.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼20.8| -48.6%

Cơ cấu sở hữu

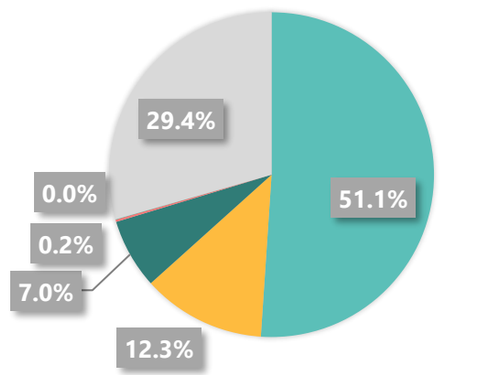


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



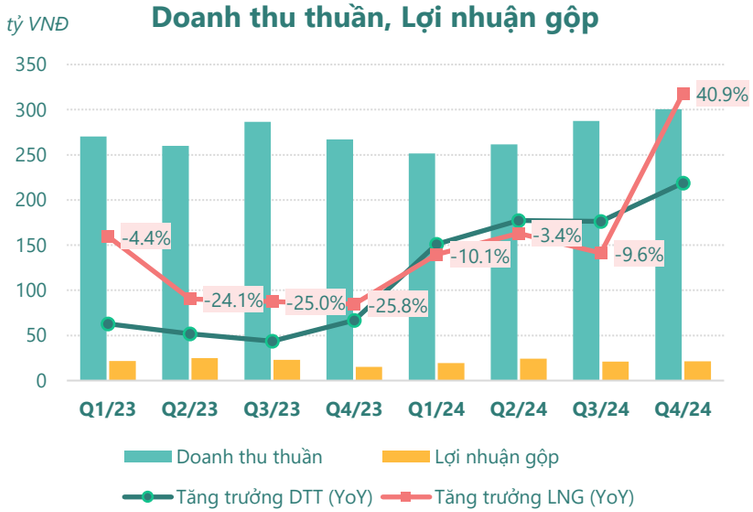
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

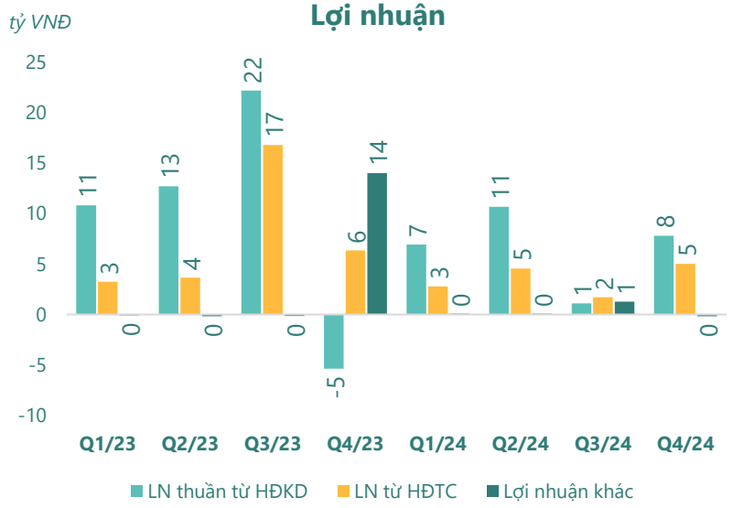
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



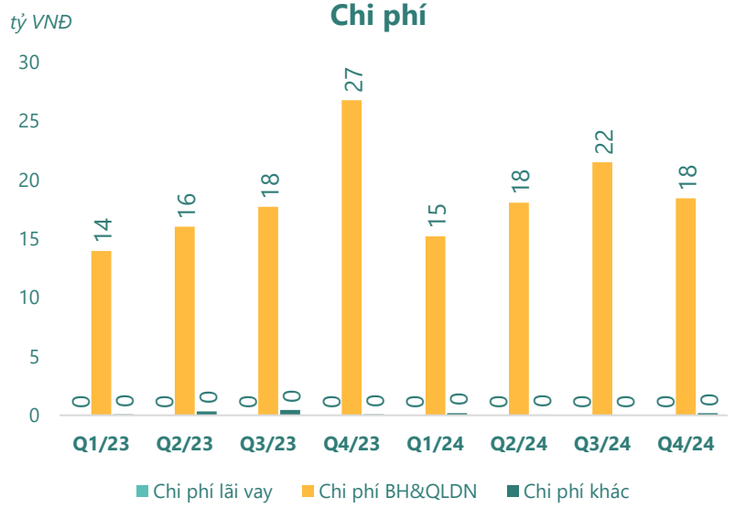
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



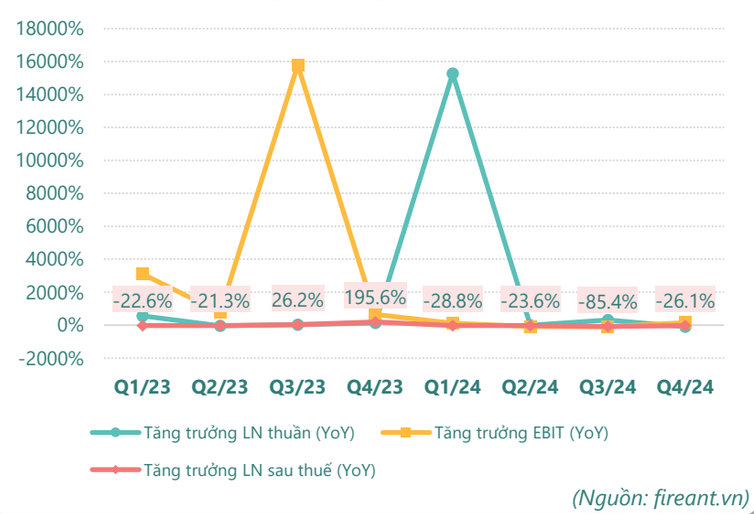
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



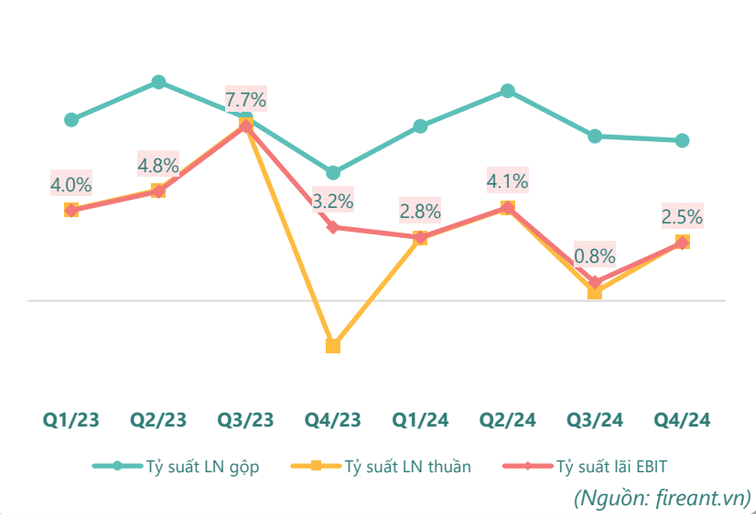
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

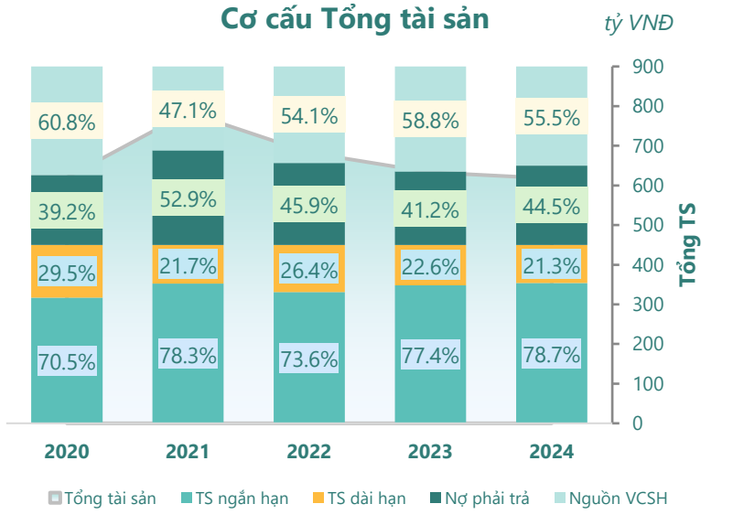
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

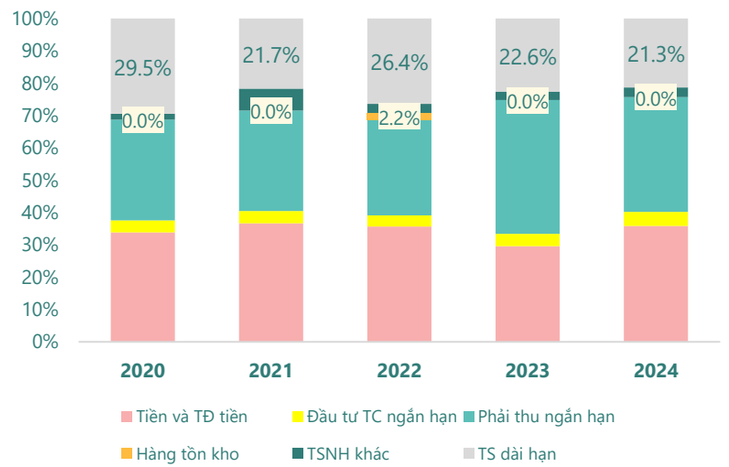
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



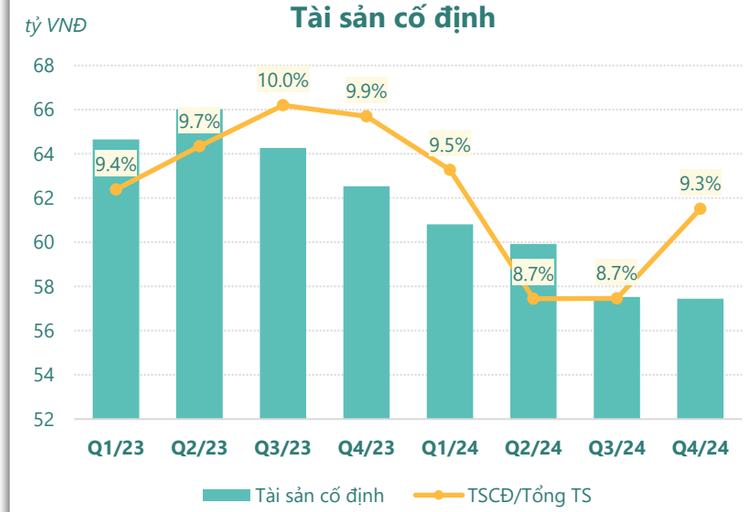
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



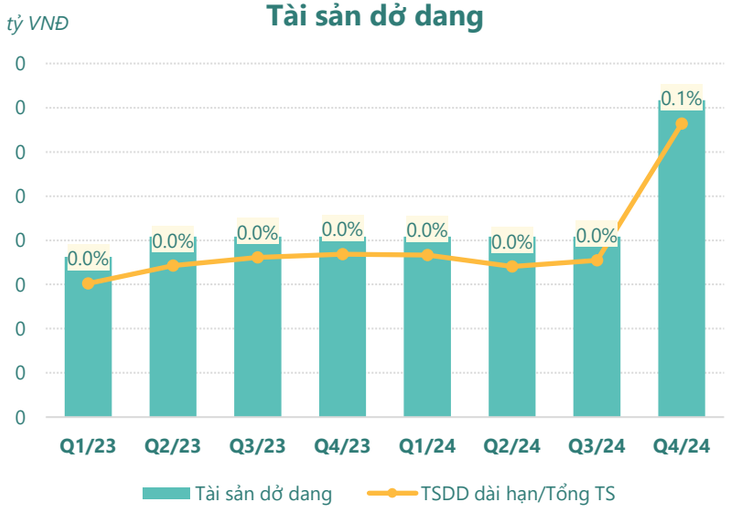
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



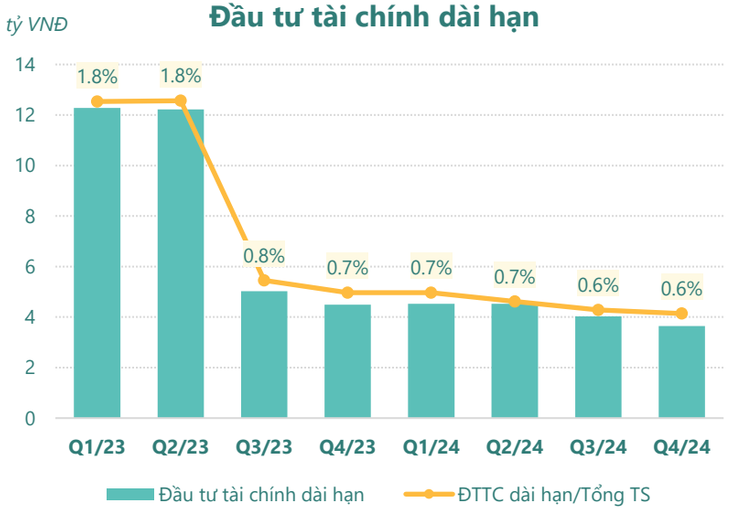
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



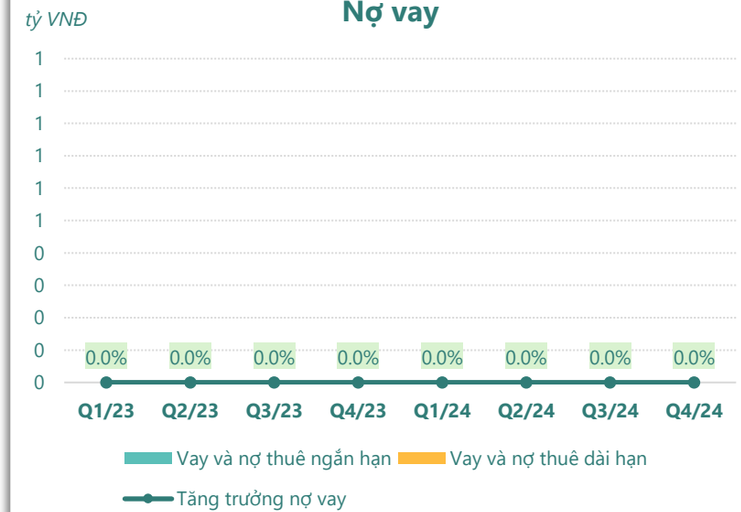
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

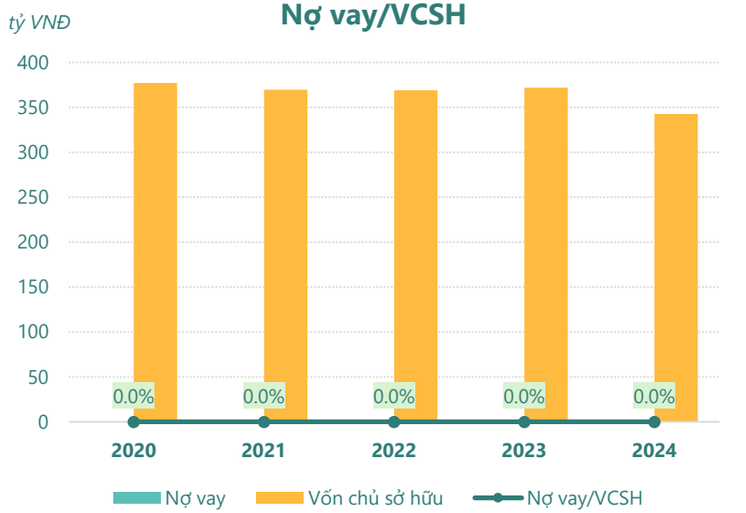
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

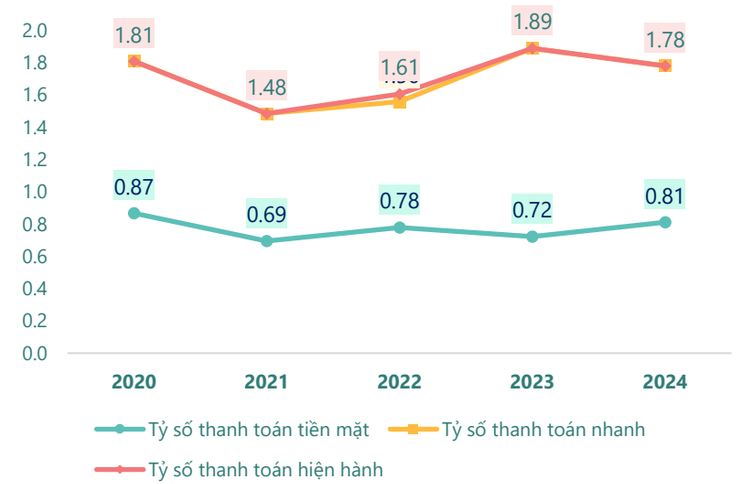
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



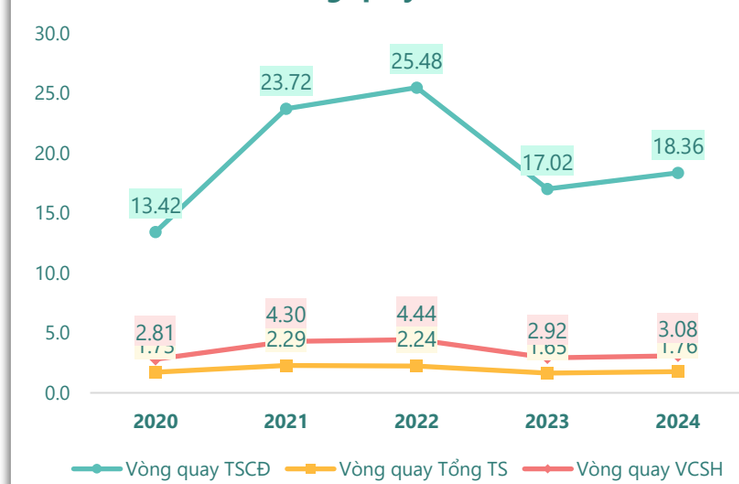
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



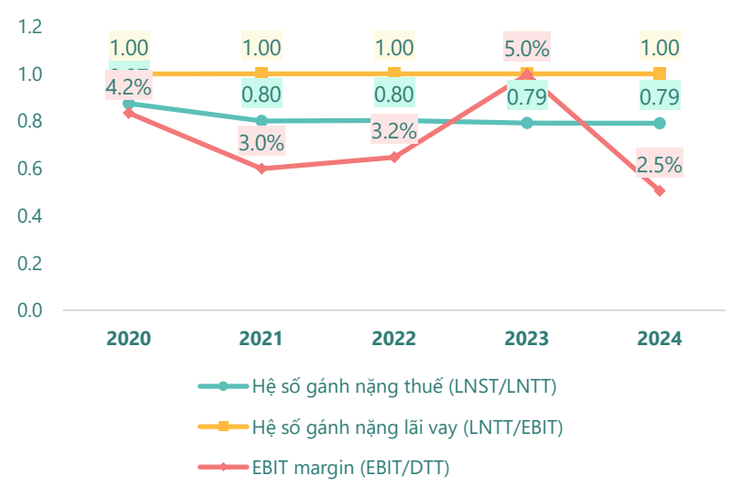
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



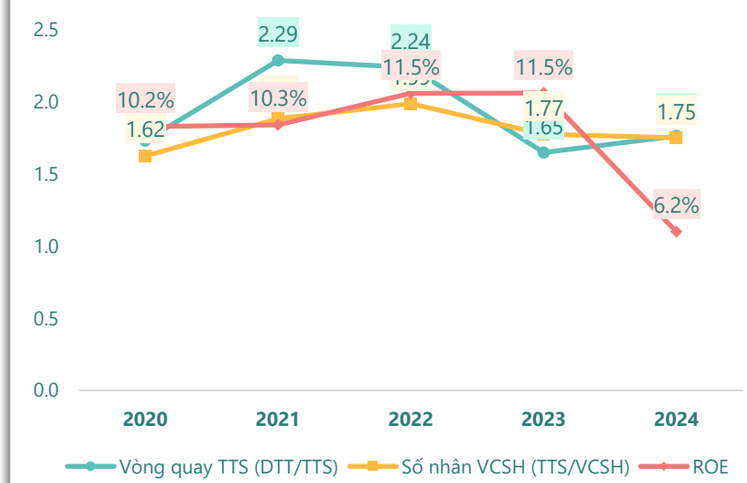
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



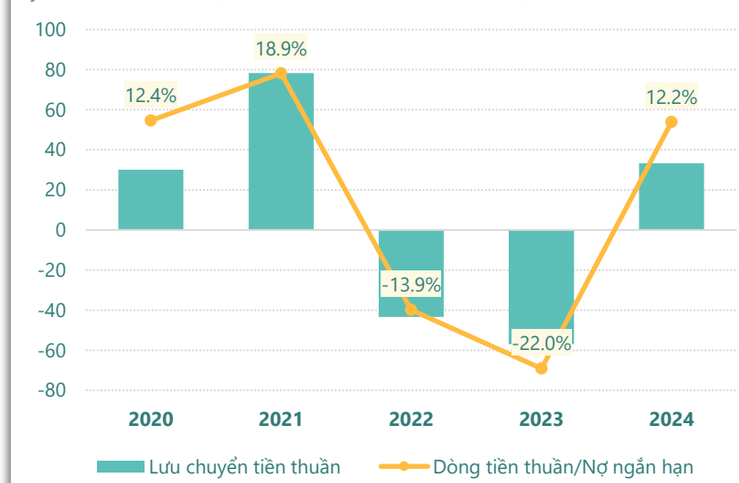
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**301**	**267**	**12.6%**	**1,101**	**1,084**	**1.6%**
Giá vốn hàng bán	279	252	10.8%	1,015	1,000	1.6%
Lợi nhuận gộp	21.2	15.1	40.7%	85.7	84.0	2.0%
Doanh thu HĐTC	7.53	8.23	-8.5%	19.4	33.2	-41.6%
Chi phí TC	2.52	1.88	34.0%	5.33	3.06	74.3%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**18.4**	**26.8**	**-31.2%**	**73.3**	**73.8**	**-0.7%**
LN thuần từ HĐKD	7.82	-5.37	246%	26.5	40.4	-34.3%
Lợi nhuận khác	**-0.17**	**14.0**	**-101%**	**1.26**	**13.6**	**-90.8%**
LN trước thuế	7.65	8.66	-11.7%	27.8	54.0	-48.5%
Lợi nhuận sau thuế	**6.07**	**6.52**	**-6.9%**	**22.0**	**42.8**	**-48.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.07**	**6.52**	**-6.9%**	**22.0**	**42.8**	**-48.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-52.7	17.1	13.3	23.7	8.03	31.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	13.5	-0.53	1.09	0.44	0.67	-0.42
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-35.2	0	0	-26.0	-19.1
Tiền đầu kỳ	240	201	187	202	226	209
Lưu chuyển tiền thuần	**-39.1**	**-18.7**	**14.4**	**24.2**	**-17.3**	**12.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.04	-0.47	0.12	0.45	-0.29	0.52
Tiền cuối kỳ	201	182	202	226	209	221

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**617**	**633**	**-2.5%**
Tài sản ngắn hạn	486	490	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	221	187	18.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.6	24.2	9.9%
Phải thu ngắn hạn	219	262	-16.3%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	18.6	16.8	10.8%
Tài sản dài hạn	**132**	**143**	**-7.9%**
Phải thu dài hạn	2.37	1.87	26.5%
Tài sản cố định	57.5	62.5	-8.1%
Bất động sản đầu tư	14.6	17.7	-17.7%
Tài sản dở dang	0.36	0.20	75.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.65	4.52	-19.3%
Tài sản dài hạn khác	**53.3**	**56.1**	**-5.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	275	261	5.3%
Nợ ngắn hạn	**273**	**259**	**5.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	106	93.4	13.4%
Nợ dài hạn	1.82	1.52	19.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**343**	**372**	**-7.9%**
Vốn chủ sở hữu	**343**	**372**	**-7.9%**
Vốn điều lệ	141	141	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)